

Bản án số: 110/2017/HSST

Ngày: 21/9/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Thành Tấn

2/ Ông Lương Công Chủ

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa:
Ông Vương Quốc Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2017/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/. Trần Ngọc Q, sinh năm: 1997, tại: P Q, Kiên Giang

Nơi ĐKTT: khu phố H, thị trấn A Th, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở: khu phố H, thị trấn A Th, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: kinh

Trình độ văn hóa: 06/12

Nghề nghiệp: làm thuê

Con ông: Trần Ngọc D

và bà: Đặng Hoàng H

Bị cáo chưa có vợ

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2016

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/. Danh M, sinh năm: 1996, tại: G R, Kiên Giang

Nơi ĐKTT: ấp Đường G V, xã L Th, huyện G R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: khu phố H, thị trấn A Th, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: khơ me

Trình độ văn hóa: 07/12

Nghề nghiệp: làm thuê

Con ông: Danh V

và bà: Huỳnh Thị H

Bị cáo chưa có vợ

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2016

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/. Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 19/12/1998, tại: P Q, Kiên Giang

Nơi ĐKTT: tổ 4, khu phố C, thị trấn A Th, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên
Giang

Chỗ ở: tổ 4, khu phố C, thị trấn A Th, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: kinh

Trình độ văn hóa: 09/12

Nghề nghiệp: làm thuê

Con ông: Nguyễn Văn L

và bà: Nguyễn Thị Kim L

Bị cáo chưa có vợ

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2016

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại:

1/. Nguyễn Thị X, sinh năm 1966 (có mặt)

Chỗ ở: khu phố 10, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên
Giang

2/. Nguyễn Thị Lệ Hằng, sinh năm 1990

Chỗ ở: ấp C L, xã D T, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang

3/. Nguyễn Thị B, sinh năm 1974

Chỗ ở: khu phố G, thị trấn D Đ, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang

4/. Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1971

Chỗ ở: khu phố T, thị trấn D Đ, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Thái Công T, sinh năm 1991

Chỗ ở: khu phố R, thị trấn D Đ, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang

2/. Văn Minh T, sinh năm 1989

Chỗ ở: khu phố Y, thị trấn D Đ, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

3/. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1979

Chỗ ở: khu phố C, thị trấn A Th, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

(Bị hại Ph, H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công T, Minh T,
Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại B vắng mặt không rõ đi đâu làm gì)

4/. Đoàn Thị Ph, sinh năm 1945 (có mặt)

Chỗ ở: khu phố R, thị trấn A Th, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Trần Ngọc Q đã rủ Danh M và Nguyễn Huỳnh L đi cướp giật tài sản lấy tiền hoặc tài sản bán chia nhau cụ thể như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 08/12/2016, Nguyễn Huỳnh L điều khiển xe mô tô, loại Sirius, biển số 68P6-4925 của L, chở Trần Ngọc Q đến bệnh viện P Q thăm bạn. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, L chạy xe mô tô chở Q về thị trấn An Th, P Q. Trên đường đi về, Q rủ L đi cướp giật tài sản của người đi đường lấy tiền tiêu xài, L đồng ý. Khi đến đoạn đường thuộc ấp C L, D T, thấy anh Hồ Chí Th chạy xe mô tô chở bà Nguyễn Thị X cùng chiều phía trước, bên phải bà X có để 01 cái giỏ xách nên Q kêu L chạy xe áp sát, Q giật được và cả hai bỏ chạy thì anh Th đuổi theo nhưng không kịp. Cả hai mở giỏ xách ra kiểm tra thì bên trong có 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 21 chỉ, tiền Việt Nam 13 triệu đồng; Q và L lấy tiền và vàng, còn giỏ xách thì bỏ vào bụi cây, tiền chia nhau mỗi người được 6,5 triệu đồng, còn sợi dây chuyền L cất giữ. Đến khoảng 8 giờ ngày 09/12/2016, L và Q đến tiệm vàng (không nhớ địa chỉ) bán sợi dây chuyền được 39,5 triệu đồng, L chia cho Q 20 triệu đồng, Q được 19,5 triệu đồng. Sau đó, L lấy tiền đến tiệm vàng X H (thị trấn A Th) mua 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 5,59 chỉ, giá 13 triệu đồng và gửi cho bà nội tên Đoàn Thị Ph giữ, trả nợ cho cho Lâm Văn S 3.000.000đ, còn lại 4.200.000đ thì tiêu xài hết; số tiền chia được, Q cũng tiêu xài hết.

Đến khoảng 19 giờ ngày 10/12/2016, Q tiếp tục đến phòng trọ của Danh M ở khu phố C, A Th rủ M đi cướp tài sản. Q chạy xe mô tô, loại Sirius, biển số 68P1-332.09 của Q, chở M đến D Đ để cướp giật tài sản nhưng không cướp được nên cả hai quay về. Khi chạy đến đoạn đường trước UBND xã D T, thuộc ấp C L, D T thì thấy chị Nguyễn Thị Lệ H đang đi bộ trên lề đường bên phải cùng chiều phía trước, trên tay cầm 01 cái ví, Q chạy xe áp sát để M ngồi sau giật cái ví, cướp giật xong cả hai chạy trốn về hướng xã H N, mở ví ra xem thì bên trong có 1.280.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6; M lấy tiền, còn Q lấy điện thoại Iphone 6, còn cái ví thì vứt bỏ. Đến khoảng 9 giờ ngày 11/12/2016, Q đưa điện thoại di động bán cho bà Nguyễn Thị Kim L được 4.000.000đ, Q lấy thêm tiền trong vụ cướp tài sản của bà X để mua 01 điện thoại di động Samsung Galasy A7 2016 giá 9.000.000đ về sử dụng.

Đến khoảng 17 giờ ngày 25/12/2016, Q tiếp tục rủ M đi cướp giật tài sản. Q chạy xe mô tô của Q (có biển số như trên) chở M chạy theo hướng D Đ tìm người sơ hở để cướp nhưng không được nên quay về. Khi đến đoạn đường thuộc ấp S M, D T, thấy anh Nguyễn Hữu P chạy xe mô tô chở chị Nguyễn Thị B cùng chiều phía trước, trên tay chị B cầm 01 cái giỏ xách, cả hai bám theo sau. Đến

gần ngã ba B V thuộc ấp B V, H N, Q chạy xe áp sát để Mgiật túi xách. Tài sản cướp được gồm 01 điện thoại Samsung Galasy J7 Prime (điện thoại này anh P gửi chị B giữ), 01 máy tính bảng hiệu Ipad 2, còn giỏ xách thì vứt bỏ. Q và Minh đưa điện thoại đến tiệm điện thoại di động bán cho anh Thái Công T được 2.800.000đ và đưa máy Ipad 2 bán tại tiệm cho anh Văn Minh T 500.000đ, lấy tiền chia nhau mỗi người 1.650.000đ để tiêu xài.

Các bị cáo tại phiên tòa đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bà Nguyễn Thị X tại phiên tòa có ý kiến yêu cầu bị cáo Q và L bồi thường số tiền còn lại là 38.830.000đ, và đề nghị xử hai bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tang vật thu giữ: Tiền Việt Nam: 6.300.000đ; 01 sợi dây chuyền 18 K, trọng lượng 05 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng 18 K trọng lượng 0,59 chỉ; 01 máy tính bảng hiệu Ipad 2, model A 1396; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7; 01 túi xách nữ, đã qua sử dụng; 01 ví nữ, đã qua sử dụng. (Tất cả tài sản trên đều đã trả cho chủ sở hữu).

Đang tạm giữ: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A7 2016, màu vàng nhạt, số IMEL 1 356825071566608, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 68P1-332.09M số máy 5C6K293988, số khung RLCS5C6K0GY293976, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Ngọc Q và chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển số 68P6-4925, số máy 5C64224679, số khung 5C640AY224667 của bị cáo Nguyễn Huỳnh L.

* Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 06/KL-HĐĐG ngày 20/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện P Q kết luận: 21 chỉ vàng 18K, loại 70% có giá trị 45.150.000đ.

* Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 18/KL-HĐĐG ngày 22/03/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện P Q kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 16GB có giá trị 7.194.000đ; 01 máy tính bảng hiệu Ippad 216 GB, model A 1396 trị giá 2.500.000đ; 01 ĐTĐĐ hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu vàng có giá trị 4.792.000đ.

Vậy, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt ngày 08/12/2016 là 58.150.000đ, ngày 10/12/2016 là 8.474.000đ và ngày 25/12/2016 là 7.292.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện P Q.

Bản cáo trạng số: 89/KSĐT-KT ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q truy tố bị cáo Trần Ngọc Q và Nguyễn Huỳnh L về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, g khoản 2 Điều 136 BLHS. Bị cáo Danh M bị

truy tố về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS và đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS đối với bị cáo Trần Ngọc Q và Danh M.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Ngọc Q và Nguyễn Huỳnh L về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, g khoản 2 Điều 136 BLHS và bị cáo Danh M bị truy tố về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS.

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 136 BLHS; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS và Điều 33 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Ngọc Q từ 06 đến 07 năm tù;

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 136 BLHS; điểm p, b khoản 1 Điều 46 BLHS; Điều 69 và Điều 74 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh L từ 03 đến 04 năm tù;

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS và Điều 33 BLHS, xử phạt bị cáo Danh M từ 04 đến 05 năm tù.

Về tang vật: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển số 68P6-4925, số máy 5C64224679, số khung RLCS5C6K0GY293976, đã qua sử dụng của Nguyễn Huỳnh L và 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển số 68P1-332.09, số máy 5C6K293988, số khung KLCS5C6K0GY293976 của bị cáo Trần Ngọc Q.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A7 2016, màu vàng nhạt, số IMEL 1356825071566608 đã qua sử dụng của Trần Ngọc Q để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm Dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh L bồi thường 9.775.000đ, Trần Ngọc Q bồi thường 29.075.000đ cho bà Nguyễn Thị X; buộc Trần Ngọc Q và Danh M bồi thường cho chị Nguyễn Thị Lệ H 8.474.000đ và bồi thường cho Văn Minh T 500.000đ.

Chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Hữu Ph và anh Thái Công T không yêu cầu bồi thường, đề nghị miễn xét.

Các bị cáo và người bị hại không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định truy tố của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q truy tố.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Với các tình tiết đã được chứng minh tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Ngọc Q và Nguyễn Huỳnh L đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, g khoản 2 Điều 136 BLHS.

Bị cáo Danh M đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của những người bị hại một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân.

Bị cáo Trần Ngọc Q là người có vai trò chính trong vụ án, cả ba lần bị cáo đều là người rủ rê bị cáo M và L đi cướp giật tài sản, số tài sản bị cáo cướp giật có tổng giá trị là 73.916.000đ nên cần áp dụng tình tiết phạm tội cướp giật nhiều lần được áp dụng tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS đối với bị cáo.

Bị cáo Danh M và Nguyễn Huỳnh L khi được Q rủ đi cướp giật tài sản kiếm tiền tiêu xài, các bị cáo không những không ngăn cản mà còn tích cực tham gia nên hai bị cáo là người giúp sức tích cực cho bị cáo Q.

Bị cáo M cùng với Q tham gia cướp giật tài sản hai lần với tổng số tiền cướp giật là 15.766.000đ nên cũng cần áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội cướp giật nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS; Bị cáo L tham gia cướp giật tài sản với Q một lần nhưng tham gia cướp giật với số tài sản lớn đến 58.150.000đ.

Các Bị cáo đều là những thanh niên đã trưởng thành có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi cướp giật tài sản của người khác là khách thể được Bộ luật

hình sự bảo vệ, nhưng tham lam, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động, thỏa mãn nhu cầu cá nhân đã thúc đẩy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm sử dụng xe mô tô nhanh chóng chiếm đoạt tài sản và khi lấy được tài sản thì tăng ga nhanh chóng tẩu thoát như vậy có thể nguy hiểm đến tính mạng của chính các bị cáo và bị hại. Do đó, cần xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời để phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Riêng bị cáo Nguyễn Huỳnh L đã bồi thường được một phần cho người bị hại và khi phạm tội bị cáo chưa đủ tuổi nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên được áp dụng thêm tình tiết giảm được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLH và Điều 69 BLHS.

Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình cũng như chấp nhận lời đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện P Q.

Về tang vật: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển số 68P6-4925 của bị cáo Nguyễn Huỳnh L và chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển số 68P1-332.09 của bị cáo Trần Ngọc Q đây là chiếc xe hai bị cáo dùng đi cướp giật tài sản đó là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A7 2016, màu vàng nhạt, số IMEL 1356825071566608 đã qua sử dụng của Trần Ngọc Q để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh L bồi thường 9.775.000đ, Trần Ngọc Q bồi thường 29.075.000đ cho bà Nguyễn Thị X; buộc Trần Ngọc Q bồi thường 4.237.000đ, Danh M bồi thường 4.237.000đ cho chị Nguyễn Thị Lệ H; buộc Trần Ngọc Q bồi thường 250.000đ và Danh M bồi thường cho Văn Minh T 250.000đ.

Chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Hữu Ph và anh Thái Công T không yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Ngọc Q, Danh M và Nguyễn Huỳnh L** phạm tội “Cướp giật tài sản”

2. Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 136 BLHS; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 33 BLHS.

Xử phạt: **Trần Ngọc Q 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/12/2016.

-Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 33 BLHS.

Xử phạt: **Danh M 05 (năm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/12/2016.

-Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 136 BLHS; điểm p, b khoản 1 Điều 46 BLHS; Điều 69 BLHS; Điều 74 BLHS.

Xử phạt: **Nguyễn Huỳnh L 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/12/2016.

3. Về tang vật: áp dụng Điều 41 BLHS và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển số 68P6-4925, số máy 5C64224679, số khung 5C640AY224667 của bị cáo Nguyễn Huỳnh L và chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển số 68P1-332.09, số máy 5C6K293988, số khung KLCS5C6K0GY293976 của bị cáo Trần Ngọc Q.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A7 2016, màu vàng nhạt, số IMEL 1356825071566608 đã qua sử dụng của Trần Ngọc Q để đảm bảo thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 41 BLHS và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên: Buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh L bồi thường 9.775.000đ, Trần Ngọc Q bồi thường 29.075.000đ cho bà Nguyễn Thị X; buộc Trần Ngọc Q bồi thường 4.237.000đ, Danh M bồi thường 4.237.000đ cho chị Nguyễn Thị Lệ H; Trần Ngọc Q bồi thường 250.000đ, Danh M bồi thường cho Văn Minh T 250.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Trần Ngọc Q phải nộp 1.678.000đ, bị cáo Nguyễn Huỳnh L phải nộp

487.000đ, bị cáo Danh M phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- CQTHAHS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Đội tổng hợp Công an huyện PQ;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Quốc Triều